

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:
196/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 8 - 2023
Về việc chấp hôn nhân và gia
đình

NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông
Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T; Xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm
2023 về "Về việc chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 25/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1982, cư trú tại: khối Tân Phong,
phường Q, thị xã H, tỉnh N; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1985, nơi ĐKKHKT: thôn M 1, xã X,
huyện T, tỉnh T; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2023 và các lời khai trong quá
trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:

Về quá trình hôn nhân: Chị và Anh H qua tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có
đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh T vào ngày 17/12/2015.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó từ năm 2016, tình cảm vợ chồng luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do mâu thuẫn về cách sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, Ah chị đã ly hôn từ năm 2018 cho đến nay và không còn qua lại với nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Ah H.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Thị Gia H, sinh ngày 22/8/2015, hiện nay cháu H đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng, không yêu cầu Ah H cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản và công nợ: Chị L xác định vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Ah Lê Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, có mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án và trình bày qua điểm: Ah và chị L qua tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh T vào ngày 17/12/2015. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó từ năm 2016, tình cảm vợ chồng luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do mâu thuẫn về cách sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, Ah chị đã ly hôn từ năm 2018 cho đến nay và không còn qua lại với nhau. Nay Ah xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Ah được ly hôn với chị L.

Về con chung: Ah H xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Thị Gia H, sinh ngày 22/8/2015, hiện nay cháu H đang ở với chị L. Ly hôn Ah đồng ý với đề nghị của chị L là yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng, Ah không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Ah H xác định vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 11/7/2023, đại diện Ủy ban nhân dân xã X, huyện T cho biết: Chị Trần Thị L và Ah Lê Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 17/12/2015, quá trình chung sống chị L và Ah H có 01 con chung là Lê Thị Gia H, hiện nay chị L cùng với con gái là Lê Thị Gia H đang ở nhà bố đẻ chị L, địa chỉ: phường Quỳnh Phương, thị xã H, tỉnh N. Về mâu thuẫn vợ chồng thế nào địa phương không nắm được do chị L và Ah H chưa yêu cầu UBND xã hòa giải lần nào.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quA điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nH và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nH: xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với Ah Lê Văn H.

Về con chung: Giao 01 con chung của vợ chồng là cháu Lê Thị Gia H cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Ah H không pH cấp dưỡng nuôi con chung. Ah H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: không xem xét. Về án phí: chị L pH chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị L khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với Ah Lê Văn H, nơi ĐKKHTT: thôn Minh Thành 1, xã X , huyện T, tỉnh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân huyện T.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quA hệ hôn nH: Chị Trần Thị L và Ah Lê Văn H tự nguyện kết hôn, đã được Ủy bA nH dân xã X, huyện T, T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/12/2015, nên xác định quA hệ hôn nH giữa chị L và Ah H là hôn nH hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chỉ thực sự hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 1 năm thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nH do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, không tin tưởng và xúc phạm nhau. Đến năm 2018 mâu thuẫn trở nên trầm trọng và vợ chồng đã sống ly tH đến nay không còn quA tâm, qua lại với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị L nhất quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn; còn Ah H cũng đến Tòa án làm việc, viết bản tự khai và trình bày nguyện vọng được ly hôn chị L, giành quyền nuôi con cho chị L, vì Ah công việc bận bịu nên Ah không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không có gì nên Ah không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ah có đơn xin được vắng mặt tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên xét xử của Tòa án.

Từ những pH tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: QuA hệ hôn nH giữa chị L và Ah H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nH đã không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56

Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với Ah Lê Văn H.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị L xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Thị Gia H, sinh ngày 22/8/2015 hiện nay chị đang trực tiếp chăm sóc và giáo dục con chung của vợ chồng, chị không yêu cầu Ah H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Ah H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Trần Thị L và Ah Lê Văn H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với Ah Lê Văn H

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Gia H, sinh ngày 22/8/2015 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc giáo dục, Ah Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Ah H có quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0014743 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Trần Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAD tỉnh T;
- Các đương sự;
- UBND xã X
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Hồng Đức

